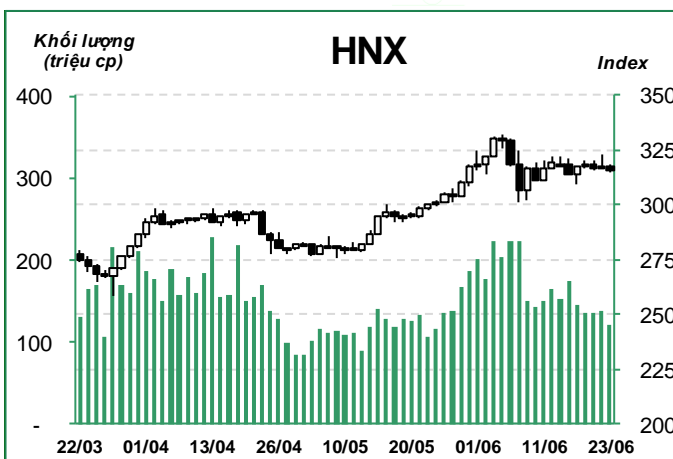
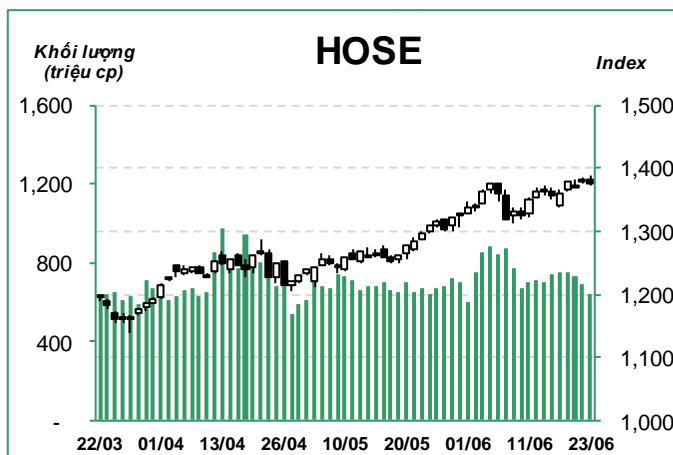


## Tổng quan thị trường

23/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,376.87</b>	<b>-0.22%</b>	<b>1,489.53</b>	<b>0.02%</b>	<b>315.80</b>	<b>-0.41%</b>
Cuối tuần trước	1,377.77	-0.07%	1,481.30	0.56%	318.73	-0.92%
Trung bình 20 ngày	1,356.27	1.52%	1,477.69	0.80%	318.00	-0.69%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>710.77</b>	<b>-4.84%</b>	<b>203.41</b>	<b>-9.08%</b>	<b>126.25</b>	<b>-22.82%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>644.74</b>	<b>-7.20%</b>	<b>197.84</b>	<b>-6.52%</b>	<b>122.07</b>	<b>-12.24%</b>
Trung bình 20 ngày	747.38	-13.73%	262.25	-24.56%	168.56	-27.58%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>21,124.13</b>	<b>-5.67%</b>	<b>10,679.82</b>	<b>-4.99%</b>	<b>2,876.15</b>	<b>-21.69%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>19,074.45</b>	<b>-4.08%</b>	<b>10,213.79</b>	<b>-0.43%</b>	<b>2,720.20</b>	<b>-7.49%</b>
Trung bình 20 ngày	23,445.88	-18.64%	13,265.82	-23.01%	3,968.03	-31.45%
		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>
<b>Số mã tăng</b>	94	21%	9	30%	73	20%
<b>Số mã giảm</b>	298	67%	20	67%	133	36%
<b>Số mã đứng giá</b>	51	12%	1	3%	164	44%



Thị trường có diễn biến giằng co trong phiên giao dịch ngày thứ 4 khi thiếu vắng sự hỗ trợ của yếu tố dòng tiền. Tuy nhiên, sự hưng phấn của nhóm cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán đã giúp chỉ số tránh được phiên giảm sâu. Bên cạnh đó, tín hiệu giao dịch khối ngoại cũng tích cực trở lại trong phiên hôm nay với việc khối này mua ròng đồng thuận trên cả 2 sàn. Nhìn chung, thị trường đang trải qua giai đoạn rung lắc quanh vùng đỉnh lịch sử và với xu hướng đi lên vẫn đang được củng cố.

Chốt phiên, VN-Index giảm hơn 3 điểm và đóng cửa tại mức 1,376.87 điểm (-0.22%). Thanh khoản sụt giảm và duy trì dưới mức trung bình với KLGD khớp lệnh đạt 644.7 triệu cổ phiếu (-7.2%), tương đương 19,074 tỷ đồng giá trị (-4.1%). Mặc dù mức giảm điểm không lớn, độ rộng thị trường lại cho thấy sự áp đảo hoàn toàn của bên bán với 298 mã giảm/94 mã tăng.

Sắc đỏ bao trùm trên diện rộng nhưng mức giảm của các nhóm ngành không quá lớn. Trong đó, Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (-2.5%), Vingroup-VIC (-0.5%), Masan-MSN (-1.6%), PV Gas-GAS (-1.1%) là tác nhân chính cho phiên điều chỉnh của thị trường. Ở chiều ngược lại, diễn biến tăng điểm khả quan của nhóm ngân hàng với sự dẫn dắt của Vietcombank-VCB (+2.0%), VPBank-VPB (+4.5%), Vietinbank-CTG (+1.5%) không đủ để giúp VN-Index tránh khỏi phiên giảm điểm trở lại. Bên cạnh đó, nhóm chứng khoán cũng đáng chú ý khi nhiều cổ phiếu duy trì được sắc xanh kèm thanh khoản tăng dần trong 2 phiên gần đây.

Khối ngoại đẩy mạnh mua ròng trên sàn HoSE hôm nay với giá trị mua ròng đạt 164.6 tỷ đồng (+62.9%). Lực mua tập trung ở các cổ phiếu Vinhomes-VHM (+108.5 tỷ), Vietcombank-VCB (+53.9 tỷ), Sacombank-STB (+31.0 tỷ). Trái lại, những cổ phiếu bị xả mạnh lần lượt là VPBank-VPB

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
EIB	10,460.0	312.04
SAM	28,061.0	301.75
MWG	1,100.0	171.82
VCG	2,922.0	145.83
SJS	2,469.0	140.95
FPT	1,510.4	137.90
AGG	1,806.0	85.06
VCB	436.0	47.26
VIB	830.0	41.50
SBT	1,600.0	35.52
<b>HNX</b>		
SHS	1,739.8	66.03
THD	100.2	19.84
IDC	438.0	17.63
VND	400.0	17.11
SHB	575.1	14.33
PAN	400.0	10.80
GKM	280.0	4.40
PVS	95.0	2.61
DNP	100.0	2.15
NRC	46.5	1.06

(-55.1 tỷ), Vincom Retail-VRE (-37.6 tỷ), Chứng khoán SSI-SSI (-35.7 tỷ).

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index cũng có diễn biến tương tự khi khởi sắc đầu phiên trước khi đảo chiều đóng cửa giảm nhẹ xuống mức 315.80 điểm (-0.41%). KLGD khớp lệnh đạt 122.1 triệu cổ phiếu (-12.2%), tương đương 2,720.2 tỷ đồng giá trị (-7.5%).

Các cổ phiếu trụ của sàn HNX cũng lần lượt bị bán tháo trong phiên hôm nay. Với Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-1.1%), Cảng Hải Phòng-PHP (-5.1%), Vicostone-VCS (-2.2%) và Dầu khí PTSC-PVS (-2.0%) là những cổ phiếu gây sức ép lớn nhất. Trong khi đó, dẫn đầu đã tăng cho chỉ số là một cổ phiếu khá xa lạ HTINVEST-HTP (+10.0%). Tiếp đến là các cổ phiếu đến từ nhóm chứng khoán với Chứng khoán VNDIRECT-VND (+1.9%), Chứng khoán MB-MBS (+1.4%) hay Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+1.2%).

Khối ngoại mua ròng trở lại trên sàn HNX, đạt giá trị 15.1 tỷ đồng. Với Chứng khoán VNDIRECT-VND (+16.6 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (+2.3 tỷ), Vicostone-VCS (+0.9 tỷ) lần lượt là những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất. Trong khi đó, Gas Đô thị-PCG (-1.2 tỷ), Cảng Đoạn Xá-DXP (-1.0 tỷ), Cảng Rau Quả-VGP (-1.0 tỷ) dẫn đầu ở chiều bán ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm nhẹ trở lại. Khối lượng giao dịch tiếp tục suy giảm và ở dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý áp lực bán không quá mạnh. Không những vậy, xu hướng tăng đang chiếm chủ đạo, khi chỉ số giữ được đóng cửa trên MA5, cùng với chòm MA 5, 10, 20 trong trạng thái phân kỳ dương tích cực, chỉ số vẫn còn cơ hội hướng lên thử thách ngưỡng kháng cự tâm lý 1,400 điểm. Tuy nhiên, khi quan sát đường MACD, chúng tôi nhận thấy chỉ báo này nằm dưới Signal cho thấy áp lực chốt lời tại vùng đỉnh cũ quanh ngưỡng 1,375 điểm là vẫn còn. Do đó, phiên giảm điểm vừa qua cùng với các phiên vận động giằng co gần đây là nhằm rũ bỏ bớt áp lực trên, với vùng hỗ trợ mạnh cho nhịp rung lắc là quanh 1,350 điểm (MA20). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến yếu hơn. Chỉ số có phiên giảm điểm và không thể giữ được đóng cửa trên MA20, cho thấy áp lực điều chỉnh đang quay trở lại. Chỉ số có thể chịu sức ép về hỗ trợ quanh vùng 300 điểm (MA50). Nhìn chung, thị trường đang giằng co và rung lắc nhằm củng cố lại xu hướng tăng chính. Do đó, nhà đầu tư cần nhắc tận dụng nhịp rung lắc để tái cơ cấu lại danh mục hợp lý hơn.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VOS	7.4	2,900.8	7.0%
TGG	6.9	504.6	7.0%
HOT	33.1	1.0	6.9%
TNT	8.2	613.3	6.9%
LGL	7.0	436.8	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HTN	39.0	254.9	-6.9%
NBB	33.1	111.6	-6.9%
MCP	23.7	7.8	-6.9%
GMC	35.2	650.7	-6.6%
SII	16.3	0.3	-6.6%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	69.0	2,102.7	4.5%
MBB	41.9	994.8	-0.2%
HPG	51.4	960.3	-0.6%
CTG	52.7	892.5	1.5%
STB	29.8	722.7	-1.5%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FLC	13.7	47,347.6	-5.8%
VPB	69.0	30,671.7	4.5%
SAM	10.4	28,327.0	-4.1%
STB	29.8	24,112.8	-1.5%
MBB	41.9	23,726.0	-0.2%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PCG	8.8	159.1	10.0%
HTP	22.0	218.6	10.0%
V12	13.3	4.7	9.9%
GDW	23.4	0.3	9.9%
CPC	20.1	6.5	9.8%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
THS	23.6	3.0	-9.9%
SGC	57.2	0.6	-9.9%
VDL	19.2	0.1	-9.9%
LDP	13.6	23.2	-9.3%
BDB	8.9	2.7	-9.2%

#### Top 5 giá trị

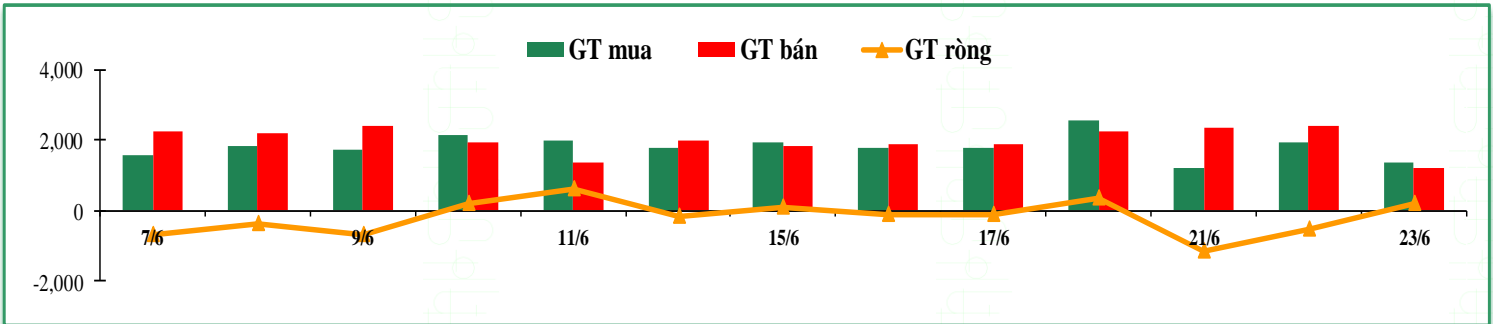
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	26.9	442.9	-1.1%
PVS	29.9	439.1	-2.0%
SHS	41.7	306.8	1.2%
VND	42.9	201.2	1.9%
THD	199.0	166.7	0.3%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	26.9	16,384.0	-1.1%
PVS	29.9	14,601.4	-2.0%
NVB	18.9	7,546.7	0.0%
SHS	41.7	7,504.5	1.2%
TNG	23.2	6,464.2	-4.1%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,341.0	6.3%	1,176.3	5.6%	164.6
HNX	50.1	1.7%	35.0	1.2%	15.1
<b>Tổng số</b>	<b>1,391.0</b>		<b>1,211.3</b>		<b>179.7</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	111.3	169.1	-0.2%
MWG	144.0	159.1	-1.4%
FPT	84.9	128.1	-0.6%
HPG	51.4	126.5	-0.6%
MBB	41.9	89.1	-0.2%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MWG	144.0	159.1	-1.4%
FPT	84.9	128.5	-0.6%
HPG	51.4	126.9	-0.6%
MBB	41.9	87.6	-0.2%
VHM	111.3	60.6	-0.2%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	111.3	108.5	-0.2%
VCB	109.7	53.9	2.0%
STB	29.8	31.0	-1.5%
DXG	23.7	28.5	-2.9%
GAS	93.9	24.5	-1.1%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	42.9	44.2	1.9%
PVS	29.9	2.4	-2.0%
VCS	104.0	0.9	-2.2%
PVI	40.1	0.3	-0.2%
APS	15.2	0.2	3.4%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	42.9	27.6	1.9%
PCG	8.8	1.2	10.0%
DXP	16.0	1.0	-2.4%
VGP	44.0	1.0	0.0%
NRC	20.5	1.0	-1.0%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	42.9	16.6	1.9%
PVS	29.9	2.3	-2.0%
VCS	104.0	0.9	-2.2%
APS	15.2	0.2	3.4%
TNG	23.2	0.2	-4.1%

## Tin trong nước

### **Thoái vốn doanh nghiệp nhà nước vẫn “dậm chân tại chỗ”**

Theo báo cáo gần đây của Bộ Tài chính, trong 5 tháng đầu năm 2021, tổng số vốn thoái là 286,6 tỷ đồng, thu về 2.165 tỷ đồng.

Trong đó, thoái vốn của tập đoàn, tổng công ty tại 9 doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Cao su Việt Nam, Tập đoàn Viettel, NXB Giáo dục Việt Nam, VNPT, Tổng công ty Thái Sơn với tổng giá trị là 234,1 tỷ đồng, thu về 2.081,3 tỷ đồng. Thoái vốn nhà nước của 3 đơn vị còn lại với giá trị 52,5 tỷ đồng, thu về 84,1 tỷ đồng.

Trong tháng 5, nhà nước không thoái vốn đơn vị nào, con số 2.165 tỷ đồng vẫn là số lũy kế của 4 tháng đầu năm.

### **Hệ thống giao dịch mới của HoSE dự kiến Go-live từ tháng 7, tình trạng nghẽn lệnh sắp chấm dứt**

Trong thời gian qua, FPT đã duy trì đội ngũ rất lớn gồm 50 chuyên gia FPT và 30 chuyên gia HoSE làm việc liên tục, với yêu cầu tăng dung lượng hệ thống lệnh của HoSE lên gấp 3 lần hiện nay, đạt từ 3-5 triệu lệnh/ngày.

Ông Triều cũng cho biết FPT đã lên các kịch bản khắc phục sự cố, các tình huống có thể xảy ra và biện pháp khắc phục. FPT sẽ đưa ra quy trình vận hành để hệ thống trơn tru, dự kiến từ tháng 7 có thể sẵn sàng Go-live.

Trong khi đó, hệ thống công nghệ thông tin mới cho toàn thị trường chứng khoán (KRX) dự kiến phải đến cuối năm nay mới có thể vận hành.

### **VietinBank: Ngày 8/7 chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu, tỷ lệ hơn 29%**

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank - mã cổ phiếu CTG) vừa công bố Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt ngày đăng ký cuối cùng để chi trả cổ tức.

Theo đó, ngân hàng sẽ phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ của năm 2017, 2018 và phần lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ theo quy định và chia cổ tức tiền mặt của năm 2019. Tổng tỷ lệ cổ tức chi trả cho 3 năm này là 29,0695%.

Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 8/7/2021.

Được biết, việc chi trả cổ tức cho 3 năm 2017, 2018, 2019 nói trên đã được Đại hội đồng cổ đông của VietinBank ngày 23/11/2020.

Nguồn: Cafef

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Hợp ĐHCĐ Vincom Retail: Mở rộng mô hình Vincom Mega Mall, chuyên nhượng bất động sản góp 13-15% doanh thu**

Sáng 23/6, Vincom Retail (HoSE: VRE) họp cổ đông thường niên 2021, trình kế hoạch doanh thu thuần 9.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 2.500 tỷ đồng, tăng lần lượt 8% và 5% so với thực hiện năm trước.

Vincom Retail dự kiến khai trương Vincom Mega Mall Smart City và 2 Vincom Plaza tại Mỹ Tho và Bạc Liêu trong năm nay.

Trong quý I, công ty ghi nhận tổng doanh thu thuần hợp nhất 2.226 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư vẫn tiếp tục tăng trưởng với doanh thu đạt 1.712 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu từ mảng chuyên nhượng bất động sản đạt 452 tỷ đồng, tăng 125% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu đến từ việc bàn giao 3 dự án nhà phố thương mại lớn là Mỹ Tho, Bạc Liêu và Uông Bí. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý I đạt 781 tỷ đồng, tăng gần 59% so với cùng kỳ năm trước.

Về phương án phân phối lợi nhuận 2020, HĐQT được cổ đông thông qua phương án không chia cổ tức cho năm 2020. Toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tính đến cuối năm trước là 7.974 tỷ đồng, được giữ lại để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **Sacombank muốn bán toàn bộ cổ phiếu quỹ trong tháng 7**

Sacombank (HoSE: STB) thông báo bán toàn bộ gần 81,6 triệu cổ phiếu quỹ trong thời gian dự kiến từ 1/7 đến 30/7, theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận. Số lượng cổ phiếu bán theo phương thức thỏa thuận tối đa là 20.087 đơn vị.

Đến cuối tháng 3, lượng cổ phiếu quỹ Sacombank ghi giá trị gần 751 tỷ đồng. Tính theo thị giá, 81,6 triệu cổ phiếu quỹ của Sacombank có giá trị khoảng 2.464 tỷ đồng.

### **CEO Dohaco: Doanh thu quý II và III sẽ giảm do giá bán thành phẩm giảm**

Ngày 21/6, Công ty Đông Hải Bến Tre (Dohaco, HoSE: DHC) đã tổ chức cuộc họp ĐHCĐ thường niên 2021. Năm 2021, doanh nghiệp lên kế hoạch doanh thu thuần 3.600 tỷ đồng, lãi sau thuế 399 tỷ đồng; lần lượt 24% và 1,8% so với thực hiện 2020. Kế hoạch cổ tức 35% vốn điều lệ.

Riêng quý I, Dohaco ghi nhận doanh thu 1.017 tỷ đồng, tăng 49%; lãi sau thuế 173 tỷ đồng, gấp 1,9 lần cùng kỳ năm trước.

Dohaco hiện có 2 nhà máy giấy là Giao Long 1 và Giao Long 2 với tổng sản lượng 291.000 tấn mỗi năm. Theo ban lãnh đạo, 2 nhà máy hiện nay đã hoạt động hết công suất, đơn vị đang nghiên cứu xây dựng nhà máy Giao Long 3 với công suất lớn hơn.

Nguồn: NDH

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PLC	Chốt lời	24/06/21	27.7	26.4	4.9%	30.6	15.9%	24.7	-6.4%	Tín hiệu suy yếu

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	VHC	Quan sát mua	24/06/21	46	52	Nến rút chân dài kèm vol thấp cho tín hiệu test cung khá tốt -> khả năng có thể tiếp tục xu hướng tăng và vượt đỉnh quanh 48
2	VCR	Quan sát mua	24/06/21	22	26-26.5	Nhịp điều chỉnh cạn vol dần cho tín hiệu khá tích cực -> khả năng sớm tăng trở lại, có thể canh mua khi giá điều chỉnh về vùng 21-21.5
3	DQC	Quan sát mua	24/06/21	21.45	24.5   26	Tín hiệu điều chỉnh ko quá xấu với nến giảm vol thấp -> khả năng chỉ về retest MA50 sau khi vượt qua, có thể canh mua khi giá điều chỉnh về 20.7-21

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Nắm giữ	28/04/21	59.1	49.9	18.4%	60	20.2%	47	-6%	
2	PVS	Nắm giữ	19/05/21	29.9	21.8	37.2%	31.3	43.6%	20.5	-6%	
3	VRE	Mua	10/06/21	31.5	31.7	-0.6%	36	14%	30	-5%	Thùng ngưỡng 31 ngàn (MA50) thì bán
4	KBC	Mua	15/06/21	38.3	35.4	8.2%	42	19%	33.3	-6%	
5	VCS	Mua	16/06/21	104	103.7	0.3%	122	18%	97.8	-6%	
6	SBT	Mua	17/06/21	21.6	21.1	2.4%	24	14%	20.4	-3%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

7	<b>POW</b>	Mua	18/06/21	12.3	12.4	<b>-0.8%</b>	14.3	15%	11.7	<b>-6%</b>	
8	<b>VNM</b>	Mua	21/06/21	90	92.1	<b>-2.3%</b>	101.5	10%	88.6	<b>-4%</b>	
9	<b>CTG</b>	Mua	23/06/21	52.7	51.9	<b>1.5%</b>	58.2	12%	49.4	<b>-5%</b>	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 23/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2101	1,500	3,940	-3.0%	163%	14,670	12	84,900	4,005	65	MBS	FPT	64,120	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,340	0.0%	234%	2,550	91	34,250	916	(2,424)	KIS	HDB	29,890	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	43,690	-0.7%	666%	70	7	51,400	46,140	2,450	VND	HPG	19,110	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	8,370	1.3%	697%	3,990	91	51,400	5,901	(2,469)	KIS	HPG	34,470	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	29,250	0.2%	343%	30	12	51,400	30,402	1,152	ACBS	HPG	30,140	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	13,500	-2.6%	246%	4,990	13	51,400	13,696	196	VND	HPG	30,880	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	8,380	-0.8%	459%	12,510	12	51,400	8,401	21	MBS	HPG	32,940	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	16,140	-1.6%	438%	5,250	47	51,400	13,737	(2,403)	HCM	HPG	30,880	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	13,220	-0.2%	222%	5,000	65	51,400	9,754	(3,466)	MBS	HPG	36,910	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	5,160	-3.2%	297%	11,360	50	51,400	2,129	(3,031)	KIS	HPG	43,650	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	5,060	-2.7%	322%	38,460	50	51,400	2,113	(2,947)	KIS	HPG	43,710	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,680	-3.2%	130%	17,970	54	36,850	3,355	(325)	KIS	KDH	24,850	3.6	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,900	1.8%	190%	3,050	91	36,850	1,492	(1,408)	KIS	KDH	30,300	4.5	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,120	-10.0%	83%	24,700	51	36,850	4,814	(306)	MBS	KDH	28,270	1.8	13/08/2021
CMBB2101	1,600	7,780	-2.1%	386%	16,390	13	41,900	7,960	180	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,300	-3.2%	175%	2,970	50	41,900	753	(2,547)	KIS	MBB	34,470	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,850	2.5%	171%	6,470	91	106,800	425	(2,425)	KIS	MSN	100,000	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,470	0.4%	147%	3,260	91	106,800	118	(2,352)	KIS	MSN	111,110	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	5,350	-3.8%	78%	11,760	51	106,800	3,177	(2,173)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	25,530	-1.4%	113%	50	7	144,000	24,684	(846)	VND	MWG	94,670	2.0	30/06/2021
CMWG2101	2,400	2,700	-1.8%	13%	5,520	13	144,000	2,709	9	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,100	-3.2%	103%	8,500	40	144,000	4,856	(1,244)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	1,650	-5.7%	-13%	7,220	12	144,000	1,559	(91)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	6,500	-11.6%	171%	27,510	(93)	144,000	(135)	(6,635)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,150	-4.2%	41%	4,220	65	144,000	1,641	(2,509)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CNVL2101	1,000	5,280	-1.1%	428%	12,870	91	112,000	4,740	(540)	KIS	NVL	56,840	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,430	-5.0%	212%	24,680	96	112,000	1,518	(1,912)	KIS	NVL	94,640	11.8	27/09/2021
CPDR2101	1,100	3,660	-7.8%	233%	52,510	65	86,100	256	(3,404)	KIS	PDR	88,890	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,210	-7.1%	283%	2,280	96	86,100	468	(3,742)	KIS	PDR	89,000	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,200	-1.4%	29%	4,680	13	98,800	2,183	(17)	VND	PNJ	77,250	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	4,950	-1.0%	148%	27,210	40	98,800	3,951	(999)	VCI	PNJ	79,230	5.0	02/08/2021
CREE2101	2,300	2,350	-4.1%	2%	19,680	13	56,900	2,234	(116)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,600	0.0%	136%	5,080	91	21,600	23	(2,577)	KIS	SBT	24,670	5.0	22/09/2021
CSTB2101	1,000	6,260	-2.2%	526%	3,810	91	29,750	3,934	(2,326)	KIS	STB	22,000	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	7,300	-1.8%	421%	14,420	47	29,750	5,900	(1,400)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	10,110	-1.0%	153%	4,430	65	29,750	6,937	(3,173)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	29,360	0.3%	444%	4,270	37	51,100	29,148	(212)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	24,000	0.0%	380%	3,480	104	51,100	20,289	(3,711)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	7,400	2.5%	222%	18,630	13	51,100	7,564	164	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,280	0.0%	220%	7,950	47	51,100	7,849	(1,431)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,160	-1.1%	258%	3,700	65	51,100	2,758	(4,402)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	1,810	-8.6%	13%	23,720	54	22,100	40	(1,770)	KIS	TCH	23,410	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,670	-5.7%	167%	5,020	91	22,100	84	(2,586)	KIS	TCH	24,060	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	2,230	-11.9%	-19%	11,470	51	22,100	6	(2,224)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,500	-1.3%	25%	15,150	50	22,100	(0)	(1,500)	KIS	TCH	31,670	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,100	2,960	-5.7%	169%	5,320	91	111,300	407	(2,553)	KIS	VHM	106,890	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,470	-2.8%	30%	37,060	13	111,300	2,437	(33)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	2,910	-4.3%	82%	20,810	47	111,300	1,357	(1,553)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	2,980	-4.2%	99%	7,710	51	111,300	794	(2,186)	MBS	VHM	105,500	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,310	0.9%	155%	13,500	50	111,300	18	(3,292)	KIS	VHM	118,670	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,000	2,790	-2.1%	179%	3,080	91	116,900	39	(2,751)	KIS	VIC	126,890	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	2,200	-8.3%	100%	9,580	96	116,900	0	(2,200)	KIS	VIC	165,900	20.0	27/09/2021
CVNM2101	1,100	1,950	-4.9%	77%	5,150	91	90,000	0	(1,950)	KIS	VNM	124,180	19.6	22/09/2021
CVNM2102	1,700	320	-13.5%	-81%	35,890	13	90,000	(0)	(320)	VND	VNM	107,650	9.8	06/07/2021
CVNM2104	1,480	2,630	-4.7%	78%	7,930	82	90,000	6	(2,624)	MBS	VNM	101,730	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,760	0.0%	60%	10,360	96	90,000	0	(1,760)	KIS	VNM	117,930	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	43,000	6.3%	668%	1,600	37	69,000	43,057	57	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	15,500	7.3%	434%	3,880	13	69,000	16,014	514	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	16,200	8.7%	500%	17,270	47	69,000	16,300	100	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,750	15.1%	250%	23,070	65	69,000	6,729	(2,021)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2013	5,000	6,060	1.0%	21%	15,110	37	31,500	4,060	(2,000)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2101	1,200	2,380	2.2%	98%	3,380	91	31,500	63	(2,317)	KIS	VRE	34,570	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	790	-1.3%	-56%	29,960	13	31,500	381	(409)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	1,670	-4.6%	28%	15,740	47	31,500	99	(1,571)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	2,910	-3.6%	-3%	10,400	51	31,500	17	(2,893)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
KDH	(New)	HOSE	36,850	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6	-
SZC	(New)	HOSE	38,750	44,400	15/06/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	21.2	3.3	10%
GMD	(New)	HOSE	42,850	54,800	09/06/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	0%
AAA	(New)	HOSE	19,000	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
NLG	(New)	HOSE	38,600	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE		HOSE	31,500	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM		HOSE	111,300	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR		HOSE	56,700	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR		HOSE	33,500	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
SZC		HOSE	38,750	44,500	28/05/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	22.0	3.3	0%
KBC		HOSE	38,300	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE		HOSE	56,900	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
ANV		HOSE	32,200	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC		HOSE	46,000	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC		HOSE	37,900	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC		UPCOM	39,400	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP		HOSE	79,000	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	95,600	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	27,200	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW		HOSE	120,000	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	98,800	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

MWG		HOSE	144,000	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB		HOSE	170,200	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN		HOSE	106,800	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	90,000	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	91,500	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	39,500	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	112,000	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	42,900	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	109,700	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	35,800	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	51,100	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	17,650	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	59,700	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	65,400	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT		HOSE	84,900	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	19,400	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	37,900	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	73,900	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	56,500	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	21,600	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	41,000	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	93,900	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	63,200	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	23,200	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	59,000	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	21,100	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	18,750	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	42,200	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	73,800	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,300	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## **Đảm bảo phân tích**

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Định nghĩa xếp loại**

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## **Miễn trách**

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.